

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không có

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Nhà thầu có hồ sơ đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 sẽ được đánh giá tiếp tại Mục này.

- Việc đánh giá kỹ thuật căn cứ trên các thông tin nhà thầu trình bày trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hóa, dịch vụ chào thầu (Chương V)**

- Mỗi đầu mục thiết bị, dịch vụ, đề xuất tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành trong gói thầu được đánh giá theo nguyên tắc **Đạt/Không đạt** theo **Bảng đánh giá chi tiết thiết bị và dịch vụ (Chương III)**.

- Mỗi đầu Mục sẽ gồm nhiều dòng chỉ tiêu kỹ thuật. Trong mỗi dòng chỉ tiêu kỹ thuật có các tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

- Mỗi dòng chỉ tiêu kỹ thuật sẽ được đánh giá **Đạt** nếu Nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đáp ứng (hoặc cao hơn) yêu cầu HSMT.

- Mỗi đầu Mục được đánh giá là **Đạt** khi tất cả các dòng chỉ tiêu kỹ thuật trong đầu Mục đó được đánh giá là **Đạt**.

- Phương án kỹ thuật do nhà thầu đề xuất được đánh giá là **Đạt** khi tất cả các đầu Mục thiết bị, dịch vụ, đề xuất tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành trong gói thầu được đánh giá là **Đạt**.

Cụ thể:

1. Đánh giá về thiết bị:

1.1. Nguyên tắc đánh giá chung:

- Tài liệu sử dụng để chứng minh cho bảng đề xuất kỹ thuật của nhà thầu là tài liệu kỹ thuật của hãng (bao gồm: Catalog, user guide, technical guide, ...). Các vật tư, phụ kiện (cable...) không cần tài liệu kỹ thuật của hãng để chứng minh.

1.2. Đánh giá về chỉ tiêu kỹ thuật:

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu hàng hóa do nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ và có tài liệu kỹ thuật chứng minh phù hợp với đề xuất kỹ thuật thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, dòng chỉ tiêu kỹ thuật được đánh giá là không đạt nếu:

+ Nhà thầu đề xuất thấp hơn dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thấp hơn tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

+ Nhà thầu đề xuất thiếu dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiếu tiêu chí kỹ thuật chi tiết.

- Trong Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu, nếu nhà thầu đề xuất dòng chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị đáp ứng so với yêu cầu của HSMT nhưng chưa cung cấp tài liệu kỹ thuật của hãng để chứng minh hoặc có cung cấp tài liệu kỹ thuật của hãng nhưng tài liệu không thể hiện được đúng dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất thì Chủ đầu tư làm rõ theo quy định. Sau khi làm rõ, nếu nhà thầu cung cấp tài liệu và chứng minh được hàng hóa của nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu của HSMT thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất được đánh giá là đạt. Các trường hợp còn lại thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đạt.

2. Đánh giá về dịch vụ

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất thấp hơn dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thấp hơn tiêu chí kỹ thuật chi tiết thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là không đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất thiếu dòng chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiếu tiêu chí kỹ thuật chi tiết thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là không đạt.

- Trong **Bảng đề xuất kỹ thuật danh mục hàng hoá, dịch vụ chào thầu (Chương V)**, nếu nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ dòng chỉ tiêu kỹ thuật thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật đó được đánh giá là đạt.

3. Đánh giá về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành

Nhà thầu đề xuất đầy đủ và đáp ứng tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành theo yêu cầu tại **Điểm D chương V** của HSMT.

Đánh giá mục yêu cầu tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành như sau:

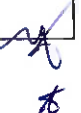
- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất theo **Điểm D Chương V – Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành**, nhà thầu có đề xuất đầy đủ và đáp ứng cho mục yêu cầu nào thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật của mục đó được đánh giá đạt.

- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất theo **Điểm D Chương V – Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành**, nhà thầu **không** đề xuất đầy đủ hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng cho mục yêu cầu nào thì dòng chỉ tiêu kỹ thuật của mục đó được đánh giá không đạt.

Bảng đánh giá chi tiết thiết bị và dịch vụ

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Thay thế thiết bị cân bằng tải cho vùng Internet tại Cục Thuế và dịch vụ triển khai		
1.1	Thiết bị cân bằng tải cho vùng Internet		
	Product type		
	- Application Delivery Controller (or ADC)		
	Performance (ready to use)		
	- L7 Throughput: 85 Gbps		
	- L7 requests per second (or L7 HTTP requests/sec): 3,3M		
	- Compression throughput (or Hardware Compression): 30 Gbps		
	Interfaces		
	- (8 * 25G SFP28 ports) and (4 * 25GBASE-SR transceivers)		
	- 2 * (100G/40G QSFP28/QSFP+ with 40GBASE-SR4 transceivers)		
	Features with licenses		
	- Local Traffic Manager (or L4-7 traffic management)		
	High availability and Management		
	- Active/Active, Active/standby (or Active/Passive)		
	- Management: Command line (CLI), SNMP		
	- Authentication: LDAP, RADIUS, TACACS (or TACACS+)		
	Power supply		
	- 220-240VAC		
	- Power supply: 2 (or Dual)		
1.2	Dịch vụ triển khai thay thế thiết bị cân bằng tải cho vùng Internet		
	Phạm vi		
	- Triển khai, lắp đặt thay thế thiết bị cân bằng tải cho vùng Internet tại TTDL Cục Thuế		
	Nội dung dịch vụ		
	Khảo sát		

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	- Khảo sát hiện trạng, mô hình thiết bị cân bằng tải vùng internet tại TTDL Cục Thuế		
	- Khảo sát chi tiết các ứng dụng đang hoạt động trên thiết bị		
	Thiết kế và xây dựng giải pháp triển khai		
	- Thiết kế chi tiết cho thiết bị cân bằng tải thay thế (thiết kế vật lý, logic, luồng dữ liệu và cơ chế cân bằng tải cho các ứng dụng tương ứng)		
	- Xây dựng thông số, quy trình cài đặt		
	- Xây dựng biên bản cài đặt, biên bản kiểm tra cài đặt		
	Triển khai		
	- Chuẩn bị môi trường cài đặt		
	- Triển khai lắp đặt, cài đặt theo quy trình		
	- Kiểm tra sau cài đặt		
2	Thay thế các thiết bị mạng tại Trung tâm dữ liệu chính Cục Thuế		
2.1	Thiết bị Internet SDN Controller		
	Hardware (cấu hình phần cứng cho SDN Controller):		
	- Processor: 2,85GHz, 24C/128MB Cache		
	- Memory: 6 * 32GB RDIMM DRx4		
	- Interface: 2 * 10/25G SFP28 with transceivers		
	- Power supply		
	Features:		
	- Tích hợp mạng Overlay - Integrated Overlay		
	- Centralized Network Management		
	- Multi-tenant support: Hỗ trợ ảo hoá fabric thành nhiều tenant		
	- Tích hợp L4-L7 Services		
	- Quản trị các dòng thiết bị Nexus 9300 và 9500		
2.2	Thiết bị Internal SDN Controller		
	Hardware (cấu hình phần cứng cho SDN Controller):		
	- Processor: 2,85GHz, 24C/128MB Cache		
	- Memory: 6 * 32GB RDIMM DRx4		
	- Interface: 2 * 10/25G SFP28 with transceivers		



Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	- Power supply		
	Features:		
	- Tích hợp mạng Overlay - Integrated Overlay		
	- Centralized Network Management		
	- Multi-tenant support: Hỗ trợ ảo hoá fabric thành nhiều tenant		
	- Tích hợp L4-L7 Services		
	- Quản trị các dòng thiết bị Nexus 9300 và 9500		
2.3	Thiết bị Leaf switch vùng internet		
	Form		
	- Rack		
	Interface		
	- 32 * 40/100Gbps ports		
	- 16 * 40GBASE-SR4 transceivers		
	- 16 * 100GBASE-SR4 transceivers		
	- RS-232 console port with cable		
	Performance		
	- Bandwidth (or Switching Capacity (bidirectional)): 6,4 Tbps		
	- Memory (or System memory): 16GB		
	- Maximum number of MAC address entries (or MAC addresses per system): 256.000		
	- Maximum number of VLAN's in RPVST instances (or VLAN IDs): 3967		
	Features		
	- Layer 3: OSPF, BGP, VXLAN		
	- Standard: IEEE 802.1X, IEEE 802.1Q, IEEE 802.1D		
	- Management: CLI, SSH, SNMP		
	- TACACS+ and RADIUS authentication		
	Power supply		
	- 220-240 VAC		
	- Redundant		
2.4	Thiết bị Spine switch vùng internet		
	Form		
	- Rack		



Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	Interface		
	- 32 * 40/100Gbps ports		
	- 32 * 100GBASE-SR4 transceivers		
	- RS-232 console port with cable		
	Performance		
	- Bandwidth (or Switching Capacity (bidirectional)): 6,4 Tbps		
	- System memory (or Memory): 16 GB		
	- Maximum number of MAC address entries (or MAC addresses per system): 256.000		
	- Maximum number of VLAN's in RPVST instances (or VLAN IDs): 3967		
	Features		
	- Layer 3: OSPF, BGP, VXLAN		
	- Standard: IEEE 802.1X, IEEE 802.1Q, IEEE 802.1D		
	- Management: CLI, SSH, SNMP		
	- TACACS+ and RADIUS authentication		
	Power supply		
	- 220-240 VAC		
	- Redundant		
2.5	Thiết bị Router internet		
	Form		
	- Rack		
	Performance		
	- System capacity or Forwarding Throughput: up to 118 Gbps		
	- Memory (or DRAM): 16 GB		
	Interface		
	- (12 * 1/10GE) or (8 * 10GbE and 4 * 100GbE)		
	- 4 * 1000BASE-T transceivers		
	- 4 * 10GBASE-SR transceivers		
	Feature (ready to use)		
	- Static, RIP, OSPF, BGP, MPLS		
	- Generic Routing Encapsulation (GRE)		




Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	Internet Protocol		
	- IPv4/IPv6		
	Management		
	- Command-line interface (CLI), Web User interface		
	- SNMP		
	- Console port with cable		
	Power Supply		
	- 220-240VAC		
	- Redundant power supplies		
2.6	Dịch vụ triển khai thay thế thiết bị mạng tại TTDL chính		
	Phạm vi		
	- Triển khai, lắp đặt thay thế thiết bị mạng tại Mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 tại TTDL chính Cục Thuế		
	Nội dung dịch vụ		
	Khảo sát		
	- Khảo sát hiện trạng, mô hình, thiết bị mạng vùng internet và internal tại TTDL chính Cục Thuế		
	Thiết kế và xây dựng giải pháp triển khai		
	- Thiết kế chi tiết cho các thiết bị thay thế (thiết kế vật lý, logic và luồng dữ liệu)		
	- Xây dựng thông số, quy trình cài đặt, cấu hình hệ thống		
	- Xây dựng biên bản cài đặt, biên bản kiểm tra cài đặt		
	- Cài đặt, cấu hình tích hợp vào hệ thống theo dõi, giám sát mạng cho các thiết bị mạng được thay thế		
	- Cập nhật tài liệu quản trị, vận hành		
	Triển khai		
	- Chuẩn bị môi trường cài đặt		
	- Triển khai lắp đặt, cài đặt, tích hợp hệ thống theo quy trình		
	- Kiểm tra hoạt động của hệ thống sau cài đặt		

Mục	Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị và dịch vụ	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
3	Yêu cầu về tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ và bảo hành		
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục I- Tiến độ cung cấp thiết bị, dịch vụ tại Điểm D chương V của E-HSMT		
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục II- Yêu cầu về thời gian, hình thức bảo hành thiết bị tại Điểm D chương V của E-HSMT		
	- Nhà thầu có đề xuất đáp ứng đầy đủ theo mục III- Yêu cầu về chất lượng dịch vụ tại Điểm D chương V của E-HSMT		